

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I- NĂM HỌC 2024- 2025**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL) Vận dụng cao (TL)	
1	Chương I. Địa lí dân cư Việt Nam	- Dân tộc và dân số	1 câu			2,5
2	Chương 2. Địa lí các ngành kinh tế	- Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ	1 câu 1 câu 1 câu			7,5
3	Chương 3. Sự phân hoá lãnh thổ	- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - Vùng Đồng bằng sông Hồng - Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	2 câu 2 câu	1 câu	1 câu a 1 câu b	40,0
Tỉ lệ %			20	15	15	50

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I- NĂM HỌC 2024- 2025

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T T	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu theo mức độ nhận thức		
				NB	TH	VD
1	ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM	<ul style="list-style-type: none"> – Thành phần dân tộc – Gia tăng dân số ở các thời kì – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính – Phân bố dân cư – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn – Lao động và việc làm – Chất lượng cuộc sống 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. – Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương. – Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. – Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. – Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước. 	*		
2	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH NÔNG, LÂM, THỦY SẢN	<ul style="list-style-type: none"> – Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản – Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp (các nhân tố tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, nước, sinh vật; các nhân tố kinh tế-xã hội: dân cư và nguồn lao động, thị trường, chính sách, công nghệ, vốn đầu tư). – Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. 	*		
	CÔNG NGHIỆP	<ul style="list-style-type: none"> – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu: (theo QĐ 27) – Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, nguồn nguyên liệu. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. 	*		
	DỊCH VỤ	<ul style="list-style-type: none"> – Các nhân tố ảnh hưởng đến 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân 			

		<p>sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông – Thương mại, du lịch 	<p>bay quốc tế chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, lịch sử văn hóa. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. 	*		
3	SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	<ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; – Trình bày được các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch. – Phân tích hoặc sơ đồ hóa được các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). 	*	*	
	VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	<ul style="list-style-type: none"> – Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ – Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên – Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng – Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng – Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông – lâm – thủy sản; – Trình bày được vấn đề phát triển kinh tế biển. – Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. – Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vị thế của Thủ đô Hà Nội. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. 	*	*	*
Số câu/ loại câu				8 TN	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20,0	15,0	15,0

UBND HUYỆN THĂNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT Họ và tên: Lớp:	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 9 (Phân môn Địa lí) Thời gian làm bài: 30 phút NĂM HỌC: 2024 -2025
---	--

ĐỀ A

I/ TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Em hãy chọn đáp án A hoặc B;C;D của ý đúng rồi điền vào bảng trong phần bài làm.

CÂU 1. Dân tộc Ê-đê, Gia-rai, Ba-na sinh sống chủ yếu ở

- | | |
|---------------------------------|-----------------------------|
| A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. | B. Tây Nguyên. |
| C. Bắc Trung Bộ. | D. Đồng bằng sông Cửu Long. |

CÂU 2. Điều kiện tự nhiên chủ yếu nào sau đây tạo nên tính đa dạng về sản phẩm nông nghiệp ở nước ta?

- | | | | |
|---------|----------|-------------|--------------|
| A. Đất. | B. Nước. | C. Khí hậu. | D. Sinh vật. |
|---------|----------|-------------|--------------|

CÂU 3. Khai thác dầu thô và khí tự nhiên chủ yếu ở

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| A. Thềm lục địa phía Nam. | B. Duyên hải Nam Trung Bộ. |
| C. Quảng Ninh. | D. Trung du và miền núi Bắc Bộ. |

CÂU 4. Loại hình giao thông quan trọng nhất ở nước ta là

- | | | | |
|----------------------|----------------|---------------|----------------|
| A. đường hàng không. | B. đường biển. | C. đường sắt. | D. đường ô tô. |
|----------------------|----------------|---------------|----------------|

CÂU 5. Vùng nào dưới đây không tiếp giáp với Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- | | |
|-------------------------|--|
| A. Đồng bằng sông Hồng. | B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. |
| C. Tây Nguyên. | D. Trung Quốc. |

CÂU 6. Ý nào dưới đây không phải là thế mạnh kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- | | |
|---|-----------------------|
| A. Trồng cây lương thực, đặc biệt là lúa. | B. Chăn nuôi gia súc. |
| C. Khai thác khoáng sản. | D. Du lịch. |

CÂU 7. Diện tích của vùng Đồng bằng sông Hồng là

- | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|
| A. hơn 20 nghìn km ² . | B. hơn 21 nghìn km ² . |
| C. hơn 22 nghìn km ² . | D. hơn 23 nghìn km ² . |

CÂU 8. Thế mạnh nông nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng là

- | | |
|-----------------------|--|
| A. chăn nuôi gia súc. | B. trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu. |
| C. trồng ngô. | D. trồng cây lương thực, cây thực phẩm, cây vụ đông. |

II/ TỰ LUẬN (3 điểm)

CÂU 1. (1,5 điểm) Phân tích thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông, lâm, thuỷ sản ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

CÂU 2. (1,5 điểm)

a. (1,0 điểm) Em hãy phân tích vị thế của thủ đô Hà Nội đối với vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước?

b. (0,5 điểm) Trình bày một số nét về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Tên các tỉnh, thành phố, vai trò của vùng đối với sự phát triển kinh tế cả nước?

BÀI LÀM

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM.

UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT Họ và tên: Lớp:	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 9 (Phân môn Địa lí) Thời gian làm bài: 30 phút NĂM HỌC: 2024 -2025
---	--

ĐỀ B

I/ TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Em hãy chọn đáp án A hoặc B;C;D của ý đúng rồi điền vào bảng trong phần bài làm.

CÂU 1. Dân tộc Khơ-me, Chăm, Hoa sinh sống chủ yếu ở

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Tây Nguyên.
 C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

CÂU 2. Nhân tố tự nhiên nào sau đây được coi là tư liệu quan trọng nhất của sản xuất nông nghiệp?

- A. Đất. B. Nước. C. Khí hậu. D. Sinh vật.

CÂU 3. Khai thác ti-tan chủ yếu ở

- A. Thềm lục địa phía Nam. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
 C. Quảng Ninh. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

CÂU 4. Năm 2021, cả nước có số lượng thuê bao internet là

- A. hơn 15 triệu. B. hơn 18 triệu. C. hơn 19 triệu. D. hơn 21 triệu.

CÂU 5. Vùng nào dưới đây không tiếp giáp với vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.
 C. Tây Nguyên. D. Vịnh Bắc Bộ.

CÂU 6. Ý nào dưới đây không phải là thế mạnh kinh tế của vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Trồng cây lương thực, đặc biệt là lúa. B. Chăn nuôi gia súc.
 C. Công nghiệp. D. Du lịch.

CÂU 7. Diện tích của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. hơn 45 nghìn km². B. hơn 65 nghìn km².
 C. hơn 85 nghìn km². D. hơn 95 nghìn km².

CÂU 8. Thế mạnh nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. trồng cây lương thực. B. trồng cây thực phẩm, nhất là cây vụ đông.
 C. Chăn nuôi lợn và gia cầm. D. chăn nuôi gia súc.

II/ TỰ LUẬN (3 điểm)

CÂU 1. (1,5 điểm) Phân tích thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông, lâm, thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

CÂU 2. (1,5 điểm)

a. (1,0 điểm) Em hãy phân tích vị thế của thủ đô Hà Nội đối với vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước?

b. (0,5 điểm) Trình bày một số nét về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Tên các tỉnh, thành phố, vai trò của vùng đối với sự phát triển kinh tế cả nước?

BÀI LÀM

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ I; NĂM HỌC 2024- 2025

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. TRẮC NGHIỆM: 2,0 điểm, Đúng 1 câu được 0,25 điểm

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐỀ A	B	C	A	D	C	A	B	D
ĐỀ B	D	A	B	C	C	B	D	D

II. TỰ LUẬN:

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	<p>Phân tích thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông, lâm, thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Hồng:</p> <p>+ Địa hình và đất:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đồng bằng sông Hồng tương đối bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ, thuận lợi trồng cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả.- Khu vực đồi núi có đất feralit thuận lợi trồng rừng, cây công nghiệp, cây dược liệu.- Ven biển có đất mặn, đất phèn, đất xám có điều kiện sản xuất nông nghiệp. <p>+ Khí hậu: nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh thuận lợi cây trồng, vật nuôi phát triển quanh năm, tạo điều kiện xen canh, tăng vụ, trồng cây ưa lạnh.</p> <p>+ Nguồn nước: mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều hồ, vùng trũng thuận lợi sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản nước ngọt.</p> <p>+ Sinh vật:</p> <ul style="list-style-type: none">- Khu vực đồi núi, ven biển, trên các đảo có nhiều rừng thuận lợi phát triển lâm nghiệp.- Sông và biển có nhiều thủy sản thuận lợi nuôi trồng và khai thác thủy sản.	1,5 0,5 0,25 0,25 0,5
2.a	<p>Vị thế thủ đô Hà Nội:</p> <ul style="list-style-type: none">- Là trung tâm chính trị- hành chính quốc gia, trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, ...- Quy mô kinh tế lớn: 13% GDP cả nước.- Thu hút đầu tư nước ngoài, có giá trị xuất khẩu nhất nước.- Thúc đẩy vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.	1,0 0,25 0,25 0,25 0,25
2.b	<p>Một số nét về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.- Vai trò đối với phát triển kinh tế cả nước: <p>Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ như khu vực đầu tàu, đi đầu trong các chính sách, phương hướng phát triển, giúp đỡ, hỗ trợ, nâng đỡ những khu vực khác cùng phát triển và đi lên.</p>	0,5 0,25 0,25